

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT KẾT QUẢ KIỂM TRA VÀ ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ B*(Ban hành kèm theo QĐ số 11 /QĐ-ĐHNLBG-ĐT ngày 16 tháng 01 năm 2019 của**Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)****Thi ngày 06/01/2019; Cấp ngày 16/01/2019***

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Khoá học (Từ - Đến)		Điểm				Số sổ	Số hiệu	Kết quả xếp loại	Ghi chú
								Đọc	Viết	Nghe	Nói				
1	TAB01	Ngô Văn	Chung	16/04/1993	Sơn Động - Bắc Giang	27/10/2018	22/12/2018	6,0	6,0	5,0	5,0	TA001371	A3001884	Trung bình	
2	TAB02	Ninh Thị	Chuyên	03/03/1985	Yên Dũng - Bắc Giang	27/10/2018	22/12/2018	7,0	6,0	6,5	5,0	TA001372	A3001883	Trung bình	
3	TAB03	Ngô Văn	Cộng	19/01/1969	Sơn Động - Bắc Giang	27/10/2018	22/12/2018	7,0	4,5	5,5	4,0	TA001373	A3001882	Trung bình	
4	TAB04	Nguyễn Văn	Cường	23/05/1974	Tân Yên - Bắc Giang	27/10/2018	22/12/2018	6,0	5,5	5,0	7,0	TA001374	A3001881	Trung bình	
5	TAB05	Nguyễn Văn	Duy	08/02/1991	Sơn Động - Bắc Giang	27/10/2018	22/12/2018	8,0	8,0	6,0	5,0	TA001375	A3001880	Trung bình	
6	TAB06	Lê Văn	Đào	16/02/1984	Sơn Động - Bắc Giang	27/10/2018	22/12/2018	6,5	6,5	5,5	4,0	TA001376	A3001879	Trung bình	
7	TAB07	Lục Văn	Đào	29/12/1968	Sơn Động - Bắc Giang	27/10/2018	22/12/2018	7,5	7,0	6,0	6,0	TA001377	A3001878	Trung bình	
8	TAB08	Mùng Duy	Giáp	05/09/1971	Sơn Động - Bắc Giang	27/10/2018	22/12/2018	7,0	6,0	5,0	6,0	TA001378	A3001877	Trung bình	
9	TAB09	Diêm Công	Hậu	18/10/1996	Việt Yên - Bắc Giang	-	-	6,0	5,5	5,0	6,0	TA001379	A3001876	Trung bình	
10	TAB10	Hoàng Như	Hậu	12/03/1972	Sơn Động - Bắc Giang	27/10/2018	22/12/2018	8,5	7,5	6,0	5,0	TA001380	A3001875	Trung bình	
11	TAB11	Ngô Văn	Hậu	15/08/1982	Việt Yên - Bắc Giang	27/10/2018	22/12/2018	8,0	8,0	7,0	6,0	TA001381	A3001874	Khá	
12	TAB12	Vi Văn	Huân	02/01/1970	Sơn Động - Bắc Giang	27/10/2018	22/12/2018	7,0	5,5	6,0	4,0	TA001382	A3001873	Trung bình	
13	TAB13	Lê Văn	Hùng	26/08/1972	Sơn Động - Bắc Giang	27/10/2018	22/12/2018	7,0	5,5	5,0	5,0	TA001383	A3001872	Trung bình	
14	TAB14	Nguyễn Văn	Hùng	03/09/1982	Sơn Động - Bắc Giang	27/10/2018	22/12/2018	7,0	6,0	6,5	3,0	TA001384	A3001871	Trung bình	
15	TAB15	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	16/09/1986	Sơn Động - Bắc Giang	27/10/2018	22/12/2018	6,0	6,0	8,0	4,0	TA001385	A3001870	Trung bình	
16	TAB16	Nguyễn Thị	Hương	19/04/1980	Lục Ngạn - Bắc Giang	27/10/2018	22/12/2018	8,0	7,5	6,0	7,0	TA001386	A3001869	Khá	
17	TAB17	Nguyễn Thị	Hương	02/11/1993	Hiệp Hòa - Bắc Giang	27/10/2018	22/12/2018	6,0	6,5	5,5	6,0	TA001387	A3001868	Trung bình	
18	TAB19	Nguyễn Thị	Hường	07/03/1981	Sơn Động - Bắc Giang	27/10/2018	22/12/2018	7,0	7,0	5,0	4,0	TA001388	A3001867	Trung bình	
19	TAB20	Hoàng Quốc	Khánh	18/02/1977	Sơn Động - Bắc Giang	27/10/2018	22/12/2018	7,0	5,5	5,5	5,0	TA001389	A3001866	Trung bình	
20	TAB21	Bế Văn	Kiên	27/10/1993	Sơn Động - Bắc Giang	27/10/2018	22/12/2018	7,5	6,5	7,0	7,0	TA001390	A3001865	Khá	
21	TAB22	Tạ Bằng	Kiều	14/12/2001	Việt Yên - Bắc Giang	-	-	6,5	4,0	7,0	3,0	TA001391	A3001864	Trung bình	
22	TAB23	Tô Thị	Lại	03/02/1989	Sơn Động - Bắc Giang	27/10/2018	22/12/2018	6,5	5,5	6,5	4,0	TA001392	A3001863	Trung bình	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Khoá học (Từ - Đến)		Điểm				Số sổ	Số hiệu	Kết quả xếp loại	Ghi chú
								Đọc	Viết	Nghe	Nói				
23	TAB24	Vũ Văn	Lợi	12/09/1964	Sơn Động - Bắc Giang	27/10/2018	22/12/2018	8,0	6,0	5,0	3,0	TA001393	A3001862	Trung bình	
24	TAB25	Ngô Văn	Luyện	08/01/1981	Sơn Động - Bắc Giang	27/10/2018	22/12/2018	7,0	4,0	7,0	3,0	TA001394	A3001861	Trung bình	
25	TAB26	Đình Văn	Lự	14/09/1975	Sơn Động - Bắc Giang	27/10/2018	22/12/2018	7,0	7,5	6,5	3,0	TA001395	A3001860	Trung bình	
26	TAB27	Vi Văn	Nga	02/03/1970	Sơn Động - Bắc Giang	27/10/2018	22/12/2018	6,5	6,0	7,5	3,0	TA001396	A3001859	Trung bình	
27	TAB29	Vi Văn	Quy	12/07/1977	Sơn Động - Bắc Giang	27/10/2018	22/12/2018	7,0	6,5	5,0	3,0	TA001397	A3001858	Trung bình	
28	TAB30	Hoàng Văn	Quý	27/11/1989	Sơn Động - Bắc Giang	27/10/2018	22/12/2018	7,0	5,0	6,0	4,0	TA001398	A3094951	Trung bình	
29	TAB31	Phạm Đức	Quý	02/09/1984	Yên Thế - Bắc Giang	27/10/2018	22/12/2018	7,5	7,5	7,5	4,0	TA001399	A3094950	Trung bình	
30	TAB32	Nguyễn Thị	Sim	23/03/1987	Sơn Động - Bắc Giang	27/10/2018	22/12/2018	7,5	7,0	7,5	6,0	TA001400	A3094949	Khá	
31	TAB33	Bế Văn	Son	25/01/1993	Sơn Động - Bắc Giang	27/10/2018	22/12/2018	7,0	7,5	7,5	7,0	TA001401	A3094948	Khá	
32	TAB34	Hoàng Văn	Son	06/08/1983	Lạng Giang - Bắc Giang	27/10/2018	22/12/2018	7,0	6,5	6,5	4,0	TA001402	A3094947	Trung bình	
33	TAB35	Nguyễn Bảo	Son	29/09/1992	Yên Thế - Bắc Giang	27/10/2018	22/12/2018	7,0	7,5	6,0	8,0	TA001403	A3094946	Khá	
34	TAB36	Đỗ Đình	Thăng	05/09/1967	Sơn Động - Bắc Giang	27/10/2018	22/12/2018	7,0	4,0	5,5	4,0	TA001404	A3094945	Trung bình	
35	TAB37	Dương Thị	Trang	26/07/1986	Lạng Giang - Bắc Giang	27/10/2018	22/12/2018	5,5	5,0	5,0	6,0	TA001405	A3094944	Trung bình	
36	TAB38	Nguyễn Văn	Tuân	24/01/1978	Sơn Động - Bắc Giang	27/10/2018	22/12/2018	7,0	6,5	5,5	3,0	TA001406	A3094943	Trung bình	
37	TAB39	Nguyễn Văn	Tuân	05/07/1979	Sơn Động - Bắc Giang	27/10/2018	22/12/2018	5,5	5,5	5,0	4,0	TA001407	A3094942	Trung bình	
38	TAB40	Bùi Văn	Tuyên	22/10/1977	Việt Yên - Bắc Giang	27/10/2018	22/12/2018	8,0	6,5	7,5	7,0	TA001408	A3094941	Khá	
39	TAB41	Ngô Văn	Vượng	06/02/1990	Sơn Động - Bắc Giang	27/10/2018	22/12/2018	5,5	6,0	5,0	4,0	TA001409	A3094940	Trung bình	
40	TAB42	Nguyễn Thị	Yến	09/11/1984	Việt Yên - Bắc Giang	27/10/2018	22/12/2018	8,0	6,5	7,5	6,0	TA001410	A3094939	Khá	
41	TAB43	Thân Thị	Yến	06/10/1987	Việt Yên - Bắc Giang	27/10/2018	22/12/2018	7,0	7,5	8,0	6,0	TA001411	A3094938	Khá	

Số thí sinh được cấp chứng chỉ theo danh sách: 41./.

Bắc Giang, ngày 16 tháng 01 năm 2019

Chủ tịch Hội đồng xét kết quả kỳ kiểm tra
(Đã ký)

Thư ký Hội đồng xét kết quả kỳ kiểm tra
(Đã ký)

Chủ tịch Hội đồng kiểm tra
(Đã ký)

TS. Đoàn Văn Soạn

ThS. Nguyễn Việt Đức

ThS. Đỗ Thị Huyền